

ỨNG DỤNG MÔ HÌNH HỌC TẬP KẾT HỢP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC HỌC PHẦN ĐẤT NƯỚC HỌC (MỘT NGHIÊN CỨU TẠI KHOA TIẾNG ANH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI)

Lê Thị Vy¹, Lê Phương Thảo¹, Lê Thị Ánh Tuyết¹, Phan Thị Vân Nga¹
Email: levy_hou@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 26/05/2025

Ngày phản biện đánh giá: 15/08/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 29/08/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.614

Tóm tắt: Bài viết đánh giá hiệu quả của việc ứng dụng mô hình học tập kết hợp để nâng cao chất lượng dạy và học học phần Đất nước học tại khoa Tiếng Anh, trường Đại học Mở Hà Nội. Các phương pháp phân tích định tính và định lượng với các tài liệu, kết quả nghiên cứu của các học giả đi trước và kết quả từ bảng câu hỏi lấy từ 152 sinh viên (khóa 2023-2027) đã theo học môn Đất nước học tại khoa Tiếng Anh năm học 2024-2025. Nghiên cứu đánh giá ưu điểm, nhược điểm và những thách thức của mô hình học tập kết hợp, đề xuất các giải pháp để ứng dụng mô hình này một cách có hiệu quả trong quá trình học tập học phần Đất nước học.

Từ khóa: mô hình học tập kết hợp, hoạt động trực tiếp, hoạt động trực tuyến, Đất nước học

I. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, mô hình học tập kết hợp được coi là một phương pháp dạy và học hiệu quả, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và thời gian trong và sau đại dịch COVID-19. Rất nhiều tác giả đã có những nghiên cứu về mô hình học tập kết hợp, từ sự hài lòng của sinh viên tác động đến kết quả học tập, đến việc thiết kế mô hình học tập kết hợp linh hoạt. Các tác giả cũng nhấn mạnh vai trò quan trọng của công nghệ, sự tham gia của giảng viên và cách thức quản lý lớp

học trong việc đảm bảo thành công của phương pháp học tập này.

Các nghiên cứu của các tác giả về mô hình dạy học kết hợp đã khẳng định tiềm năng to lớn của mô hình này trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, đồng thời chỉ ra những thách thức cần vượt qua để mô hình được triển khai rộng rãi và hiệu quả hơn. Bài viết này sẽ phân tích tính hiệu quả của mô hình dạy học kết hợp, những thuận lợi cũng như những khó khăn, thách thức để từ đó đề xuất ứng dụng rộng rãi mô hình

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

dạy học kết hợp trong dạy và học học phần Đất nước học tại khoa Tiếng Anh, trường Đại học Mở Hà Nội.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm mô hình học tập kết hợp

Phương pháp học tập kết hợp là *“một phương pháp học tập tích hợp, kết hợp hoàn hảo giữa học trên lớp và học online, giữa cách học truyền thống và cách học hiện đại”* (Graham, 2006). Trong đó, việc học tập sẽ được bổ sung thêm bởi các hoạt động trực tuyến, bao gồm những bài tập mang tính chất định hướng, tự học. Sau những giờ học trên lớp, người học có thể xem lại hoặc tiếp tục với những nội dung học tập trên các website học tập chuyên môn.

Phương pháp dạy học kết hợp *“tạo ra một lớp sinh viên năng động, mang đến cho giáo viên sự sáng tạo trong việc truyền tải kiến thức, như dạy qua bảng tương tác, thông qua trò chơi, bài hát kết hợp công nghệ cao. Sinh viên ở những trình độ ngôn ngữ khác nhau có thêm nhiều cơ hội tương tác, có hứng thú hơn với học tập”* (Picciano & Dziuban, 2007).

2.2. Các mô hình dạy học kết hợp phổ biến

Như đã trình bày ở 2.1, học tập kết hợp là một phương pháp giảng dạy kết hợp giữa việc học trực tiếp trên lớp với các công cụ và phương pháp học trực tuyến. Sự phát triển của công nghệ đã thúc đẩy việc áp dụng mô hình này trong giáo dục, giúp học viên có thể tận dụng lợi thế của cả hai hình thức học tập. Dưới đây là một số mô hình học tập kết hợp phổ biến:

2.2.1. Mô hình Học trực tiếp kết hợp (Face-to-Face)

Mô hình Học trực tiếp kết hợp là một dạng học tập kết hợp trong đó phần lớn nội dung học tập vẫn được truyền đạt qua hình thức giảng dạy trực tiếp trên lớp, nhưng có sự hỗ trợ từ công nghệ số. Giáo viên vẫn giữ vai trò trung tâm trong quá trình giảng dạy, trong khi sinh viên có thể sử dụng các công cụ kỹ thuật số như tài liệu điện tử, bài tập trực tuyến và hệ thống quản lý học tập (LMS - Learning Management System) để bổ sung và mở rộng kiến thức.

Theo Means, Toyama, Murphy, Bakia & Jones (2010), ưu điểm của mô hình Học trực tiếp kết hợp bao gồm *“sự duy trì sự tương tác cá nhân giữa giáo viên và sinh viên, hỗ trợ tốt cho việc truyền đạt kiến thức và kỹ năng mềm. Mô hình này tăng tính linh hoạt trong học tập, giúp sinh viên chủ động ôn tập và mở rộng kiến thức ngoài giờ học chính”* (Picciano & Dziuban, 2007).

Means et al. (2010) cũng nêu lên những hạn chế của mô hình Học trực tiếp kết hợp khi mô hình này *“đòi hỏi giáo viên và sinh viên phải có kỹ năng sử dụng công nghệ tốt, và có thể gây quá tải cho giáo viên nếu không có sự hỗ trợ từ hệ thống quản lý học tập.”*

2.2.2. Mô hình học tập kết hợp dạng Xoay vòng (Rotation)

Mô hình Xoay vòng là một phương pháp học tập kết hợp trong đó sinh viên luân phiên giữa các phương thức học tập khác nhau, bao gồm học trực tiếp với giáo viên, học theo nhóm, học trực tuyến và tự học.

Theo Christensen, Horn & Staker (2013) “phương pháp học tập kết hợp dạng Xoay vòng giúp tăng tính cá nhân hóa khi sinh viên có thể học theo tốc độ riêng và tập trung vào các nội dung phù hợp với trình độ của mình. Bên cạnh đó, dạng xoay vòng giúp sinh viên phát triển kỹ năng tự học, chủ động hơn trong việc tìm kiếm và tiếp thu kiến thức.”

Tuy nhiên, phương pháp học tập kết hợp dạng Xoay vòng cũng có một số hạn chế như yêu cầu hạ tầng công nghệ như các thiết bị và hệ thống phần mềm phù hợp để triển khai hiệu quả. Giáo viên phải có kỹ năng tổ chức, điều phối nhiều hoạt động học tập cùng lúc (Horn & Staker, 2014).

2.2.3. Mô hình linh hoạt (*Flex*)

Mô hình linh hoạt là “một phương pháp học tập kết hợp trong đó phần lớn nội dung học tập được cung cấp thông qua môi trường trực tuyến, nhưng vẫn có sự hỗ trợ từ giáo viên khi cần thiết. Giáo viên không giảng dạy toàn lớp mà đóng vai trò là người hướng dẫn, hỗ trợ cá nhân hoặc nhóm nhỏ dựa trên nhu cầu cụ thể của sinh viên.”

Mô hình linh hoạt có những ưu điểm như: “Cá nhân hóa việc học; Linh hoạt về thời gian và không gian; Tiết kiệm thời gian giảng dạy trực tiếp; Phát triển kỹ năng tự học do sinh viên được rèn luyện khả năng tìm kiếm thông tin, giải quyết vấn đề và làm chủ quá trình học tập của mình” (Horn, Staker & Christensen, 2014).

Mô hình này yêu cầu sinh viên có ý thức tự giác cao và một hệ thống LMS mạnh và thiết bị học tập (máy tính, internet) đầy đủ để đảm bảo trải nghiệm

học tập hiệu quả.

2.2.4. Mô hình Tự học kết hợp (*Self-Blended*)

Mô hình Tự học kết hợp là “một dạng học tập kết hợp trong đó sinh viên tự nguyện bổ sung các khóa học trực tuyến vào chương trình học chính khóa của mình. Mô hình này cho phép sinh viên mở rộng kiến thức ngoài nội dung được giảng dạy trong lớp, giúp họ chủ động nâng cao kỹ năng và kiến thức theo sở thích hoặc nhu cầu cá nhân” (Christensen, Horn & Staker, 2013).

Mô hình Tự học kết hợp “giúp sinh viên mở rộng phạm vi kiến thức, tiếp cận với nhiều nội dung ngoài chương trình chính khóa, nâng cao chuyên môn” (Horn & Staker, 2014).

Mô hình này không phù hợp với sinh viên thiếu động lực vì việc học thêm là tự nguyện, những sinh viên không có động lực cao có thể không theo kịp.

2.2.5. Mô hình học tập thông qua trò chơi hóa (*Gamification*)

Kapp (2012) định nghĩa mô hình học tập thông qua trò chơi hóa là phương pháp tích hợp các yếu tố trò chơi vào môi trường học tập nhằm tăng cường động lực và sự tham gia của sinh viên.

“Mô hình học tập thông qua trò chơi hóa mang lại những ưu điểm như: Tăng cường sự tham gia, với môi trường học tập hấp dẫn hơn giúp sinh viên duy trì sự chú ý lâu hơn; Cải thiện động lực học tập; Phát triển kỹ năng mềm, khuyến khích kỹ năng hợp tác, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề; Tăng cường sự tương tác khi sinh viên có thể hợp tác hoặc cạnh tranh với bạn bè để đạt thành tích cao hơn” (Kapp,

2012, Zichermann & Cunningham, 2011).

Tuy nhiên mô hình này có thể làm mất tập trung nếu không cân bằng tốt giữa trò chơi và nội dung học tập, và sinh viên có thể tập trung quá mức vào việc kiểm điểm thay vì hiểu bài.

2.2.6. Mô hình Phòng thí nghiệm trực tuyến (Online Lab)

Mô hình Phòng thí nghiệm trực tuyến là một “phương pháp học tập kết hợp trong đó sinh viên thực hiện các bài học, thí nghiệm và thực hành hoàn toàn trên nền tảng trực tuyến thay vì trong phòng thí nghiệm vật lý truyền thống” (de Jong, Linn & Zacharia, 2013).

Theo Ma & Nickerson (2006), mô hình này giúp “giảm chi phí vì không cần trang thiết bị phòng thí nghiệm vật lý, tiết kiệm ngân sách cho nhà trường. Sinh viên có thể thực hành các thí nghiệm hóa học, vật lý một cách an toàn và tiện lợi, không gặp rủi ro từ hóa chất hoặc thiết bị nguy hiểm.”

Tuy nhiên, mô hình Phòng thí nghiệm trực tuyến làm cho sinh viên thiếu trải nghiệm thực tế, thiếu cảm giác làm việc trực tiếp với thiết bị và vật liệu thực tế.

2.2.7. Mô hình Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom)

Theo Lage, Platt, & Treglia (2000), mô hình Lớp học đảo ngược là “một phương pháp giảng dạy trong đó sinh viên tiếp thu kiến thức mới tại nhà thông qua tài liệu học tập trực tuyến, sau đó sử dụng thời gian trên lớp để thảo luận, thực hành và giải quyết các vấn đề với sự hỗ trợ của giáo viên.”

Mô hình này cá nhân hóa học tập, “thay vì tiếp thu thụ động, sinh viên được

tham gia vào các hoạt động thực hành, thảo luận và giải quyết vấn đề thực tế, tăng cường sự tương tác trên lớp. Sinh viên có cơ hội rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện và làm việc nhóm khi trao đổi trên lớp, giúp phát triển kỹ năng tư duy phản biện. Giáo viên có thể tập trung vào hỗ trợ sinh viên thay vì chỉ giảng lý thuyết” (Bergmann & Sams, 2012, Lage, Platt & Treglia, 2000).

Mô hình Lớp học đảo ngược yêu cầu sinh viên có tinh thần tự giác cao. Nếu sinh viên không chủ động nghiên cứu trước ở nhà, họ có thể gặp khó khăn khi tham gia các hoạt động trên lớp. Giáo viên phải chuẩn bị bài kỹ, thiết kế tài liệu học tập chất lượng, dễ tiếp cận và đảm bảo sinh viên có đủ phương tiện để học tập trực tuyến.

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Bối cảnh nghiên cứu

Tại khoa Tiếng Anh, trường Đại học Mở Hà Nội, học phần Đất Nước cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành phát triển, đặc điểm địa lí, con người, hệ thống chính trị, giáo dục.... của các nước sử dụng tiếng Anh như một ngôn ngữ chính thức. Môn học này đề cao tính tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, khả năng thuyết trình và năng lực này cũng được dùng để đánh giá quá trình học tập. Sinh viên được biết rõ về chuẩn đầu ra học phần, yêu cầu về thái độ học tập, phương thức đánh giá các chuẩn đầu ra học phần ngay từ buổi học đầu tiên. Sinh viên được yêu cầu luôn phải trau dồi những kiến thức đã học, nghiên cứu những kiến thức có liên quan đến bài mới, thảo luận theo nhóm và từng cá nhân thuyết trình những vấn đề có trong bài học.

3.2. Mục đích nghiên cứu

Bài viết tập trung đánh giá hiệu quả của việc ứng dụng mô hình học tập kết hợp để nâng cao chất lượng dạy và học học phần Đất nước học tại khoa Tiếng Anh, trường Đại học Mở Hà Nội.

3.3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu trong bài viết này là đánh giá hiệu quả của việc ứng dụng mô hình học tập kết hợp áp dụng cho học phần Đất nước học tại khoa Tiếng Anh, trường Đại học Mở Hà Nội.

3.4. Phạm vi nghiên cứu

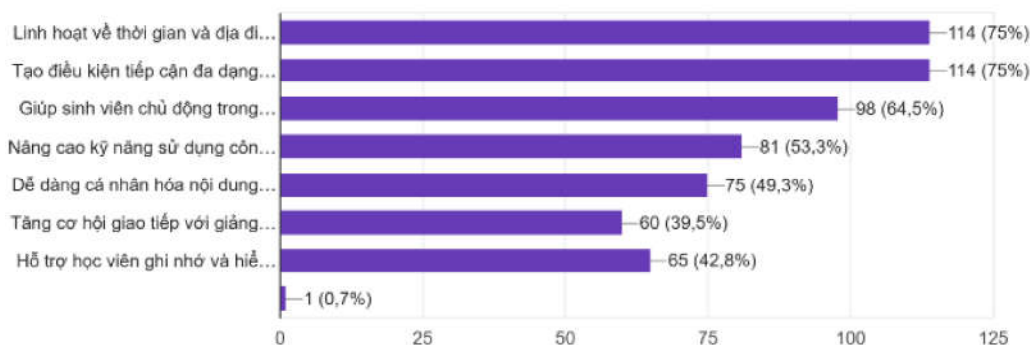
Bài viết tập trung nghiên cứu thực trạng áp dụng hiệu quả của việc ứng dụng mô hình học tập kết hợp để nâng cao chất lượng dạy và học học phần Đất nước học tại khoa Tiếng Anh, trường Đại học Mở Hà Nội, sử dụng kết quả khảo sát từ 152 sinh viên khóa 2022-2026 kì 4/8 tại khoa Tiếng Anh - trường Đại học Mở Hà Nội về việc ứng dụng hiệu quả mô hình học tập kết hợp trong quá trình học tập.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Quan điểm của sinh viên đối với việc ứng dụng mô hình học tập kết hợp dạy và học học phần Đất nước học tại khoa Tiếng Anh, trường Đại học Mở Hà Nội

4. Theo bạn, Blended Learning có những lợi ích nào trong việc học môn Đất nước học? (Có thể chọn nhiều đáp án)

152 câu trả lời



3.5. Nhiệm vụ nghiên cứu

Bài viết trình bày hai nhiệm vụ nghiên cứu đó là 1) đánh giá tính hiệu quả việc ứng dụng mô hình học tập kết hợp dạy và học học phần Đất nước học tại khoa Tiếng Anh, trường Đại học Mở Hà Nội; 2) nghiên cứu quan điểm của sinh viên đối với việc áp dụng hiệu quả mô hình học tập kết hợp để nâng cao chất lượng dạy và học môn Đất nước học

3.6. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp định lượng và định tính, dựa trên các tài liệu, những kết quả của các công trình nghiên cứu của các học giả đi trước về áp dụng mô hình học tập kết hợp trong dạy và học.

3.7. Công cụ nghiên cứu

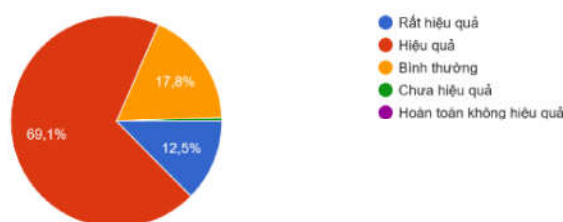
Nghiên cứu sử dụng bảng khảo sát để đánh giá hiệu quả của việc ứng dụng mô hình học tập kết hợp để nâng cao chất lượng dạy và học học phần Đất nước học tại khoa Tiếng Anh, trường Đại học Mở Hà Nội.

Kết quả khảo sát cho thấy, sinh viên đã nhận ra những thuận lợi khi áp dụng mô hình học tập kết hợp trong quá trình theo học học phần Đất nước học như: Linh hoạt về thời gian và địa điểm học tập (75%), tiếp cận đa dạng nguồn tài liệu đa phương tiện (video, bài báo, podcast, v.v.) (75%), chủ động trong việc học và nghiên cứu kiến

thức về các quốc gia (64,5%), nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ trong học tập (53.3%), dễ dàng cá nhân hóa nội dung học tập theo từng nhu cầu học viên (49,3%), tăng cơ hội giao tiếp với giảng viên và bạn học qua nền tảng trực tuyến (39,5%), hỗ trợ học viên ghi nhớ và hiểu sâu kiến thức thông qua học liệu tương tác (42,8%).

5. Bạn đánh giá mức độ hiệu quả của Blended Learning so với phương pháp truyền thống trong môn Đất nước học như thế nào?

152 câu trả lời



6. Bạn thích phương pháp Blended Learning hơn hay phương pháp học truyền thống trong môn Đất nước học?

152 câu trả lời

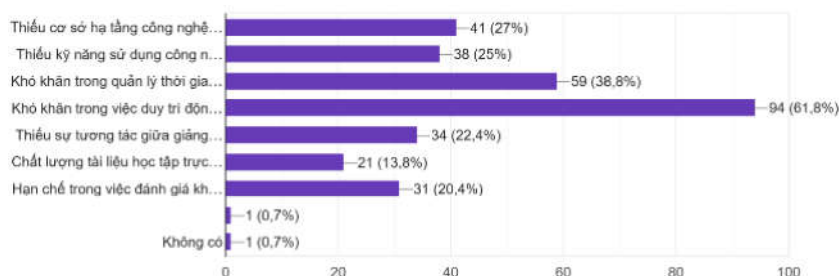


So với phương pháp truyền thống trong học tập môn Đất nước học, 81,6% sinh viên đánh giá mô hình học tập kết

hợp có hiệu quả, tuy nhiên trong quá trình học tập, sinh viên cần kết hợp cân bằng cả hai phương pháp (57.6%).

7. Bạn gặp những khó khăn nào khi học/dạy môn Đất nước học theo phương pháp Blended Learning? (Có thể chọn nhiều đáp án)

152 câu trả lời



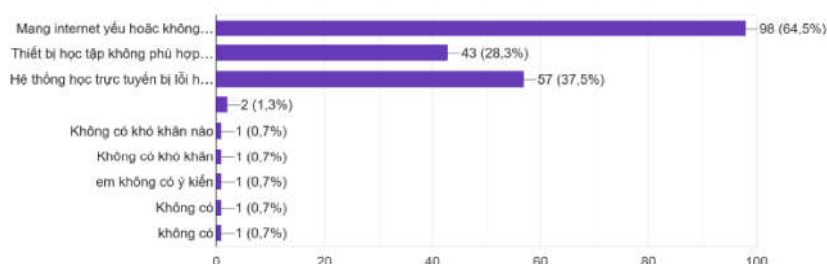
Đề cập đến những khó khăn nào khi học môn Đất nước học theo phương pháp học tập kết hợp, đa số sinh viên đề cập đến khó khăn trong việc duy trì động lực

và kỷ luật tự học (61,8%). Bên cạnh đó là những vấn đề về thiếu cơ sở hạ tầng công nghệ (đường truyền, thiết bị, phần mềm, v.v.) (27%), thiếu kỹ năng sử dụng công

nghe để tiếp cận tài liệu học tập (25%), khó khăn trong quản lý thời gian học tập/lên kế hoạch giảng dạy (38,8%), thiếu sự tương tác giữa giảng viên và học viên

(22,4%), chất lượng tài liệu học tập trực tuyến chưa đảm bảo (13,8%), hạn chế trong việc đánh giá khả năng hiểu biết của sinh viên (20,4%).

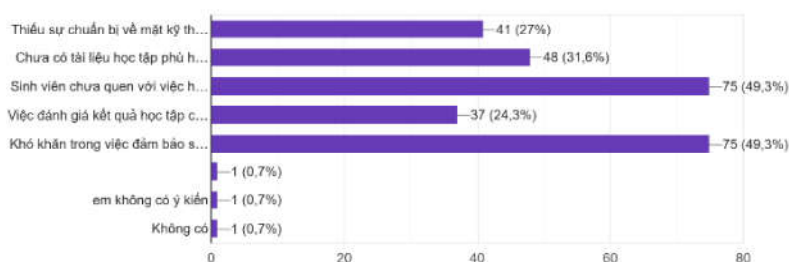
8. Bạn đã gặp những vấn đề kỹ thuật nào khi học/day môn Đất nước học theo phương pháp Blended Learning? (Có thể chọn nhiều đáp án).
152 câu trả lời



Sinh viên cũng gặp một số vấn đề kỹ thuật học khi học môn Đất nước học theo phương pháp kết hợp như mạng internet yếu hoặc không ổn định (64,5%), thiết bị

học tập không phù hợp (máy tính, điện thoại, tai nghe, v.v.) (28,3%), hệ thống học trực tuyến bị lỗi hoặc khó sử dụng (37,5%).

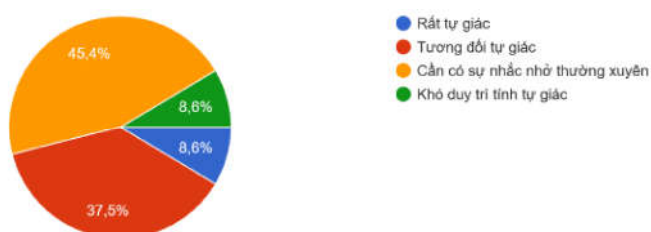
10. Theo bạn, những thách thức lớn nhất trong việc triển khai Blended Learning trong môn Đất nước học là gì? (Có thể chọn nhiều đáp án)
152 câu trả lời



Bên cạnh đó, sinh viên cũng nhận ra những thách thức lớn trong việc triển khai mô hình học tập kết hợp trong học phần Đất nước học là thiếu sự chuẩn bị về mặt kỹ thuật và phương pháp giảng dạy (27%), chưa có tài liệu học tập phù hợp cho phương pháp kết hợp (31,6%),

việc đánh giá kết quả học tập chưa linh hoạt và chính xác (24,3%). Ngoài ra, sinh viên chưa quen với việc học trực tuyến kết hợp trực tiếp (49,3%), do vậy rất khó khăn trong việc đảm bảo sinh viên tiếp thu đầy đủ những kiến thức quan trọng (49,3%).

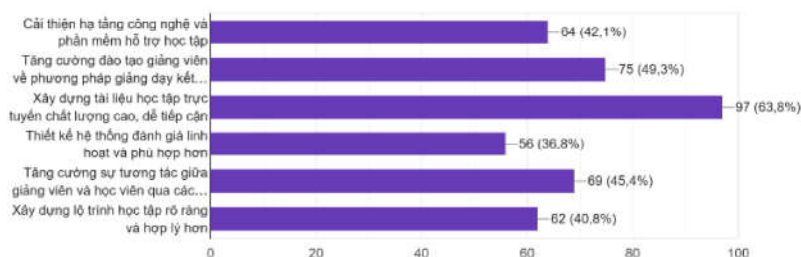
11. Bạn nghĩ sinh viên có đủ tự giác khi học môn Đất nước học theo phương pháp Blended Learning không?
152 câu trả lời



Biểu đồ này cho thấy mặc dù sinh viên tương đối tự giác (37,5%), họ cần có sự nhắc nhở thường xuyên (45,4%) khi học môn Đất nước học theo phương pháp học tập kết hợp.

12. Theo bạn, giải pháp nào có thể giúp cải thiện chất lượng Blended Learning trong môn Đất nước học? (Có thể chọn nhiều đáp án)

152 câu trả lời

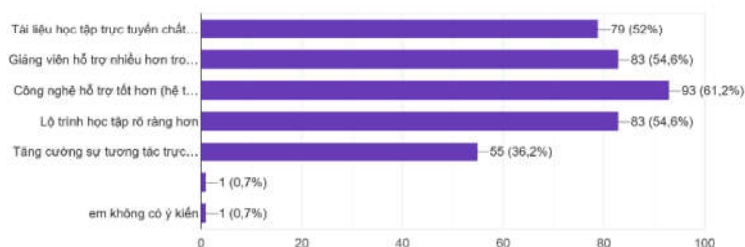


Để cải thiện mô hình học tập kết hợp trong môn Đất nước học, sinh viên đề xuất cải thiện hạ tầng công nghệ và phần mềm hỗ trợ học tập (42,1%), tăng cường đào tạo giảng viên về phương pháp giảng dạy kết hợp (49,3%), xây dựng tài liệu học tập trực

tuyến chất lượng cao, dễ tiếp cận (63,8%), thiết kế hệ thống đánh giá linh hoạt và phù hợp hơn (36,8%), tăng cường sự tương tác giữa giảng viên và học viên qua các công cụ hỗ trợ trực tuyến (45,4%), xây dựng lộ trình học tập rõ ràng và hợp lý hơn (40,8%).

13. Bạn mong muốn điều gì khi học/dạy môn Đất nước học theo phương pháp Blended Learning? (Có thể chọn nhiều đáp án)

152 câu trả lời



Khi theo học môn Đất nước học theo phương pháp theo mô hình học tập kết hợp, sinh viên cần tài liệu học tập trực tuyến chất lượng cao (52%), giảng viên hỗ trợ nhiều hơn trong quá trình học (54,6%), công nghệ hỗ trợ tốt hơn (hệ thống LMS, ứng dụng học tập, v.v.) (61,2%), lộ trình học tập rõ ràng hơn (54,6%), tăng cường sự tương tác trực tiếp với giảng viên và bạn học (36,2%).

nâng cao hiệu quả áp dụng mô hình học tập kết hợp trong dạy và học học phần Đất nước học như sau:

Thứ nhất, cần chú trọng cải thiện hạ tầng công nghệ và đảm bảo đường truyền internet ổn định, thiết bị học tập phù hợp cho sinh viên. Việc đầu tư vào hệ thống LMS (Learning Management System) hiện đại, dễ sử dụng sẽ giúp sinh viên tiếp cận tài liệu học tập dễ dàng hơn, đồng thời giảm thiểu các sự cố kỹ thuật ảnh hưởng đến quá trình học.

Thứ hai, xây dựng tài liệu học tập trực tuyến chất lượng cao, đa dạng về định dạng (video, podcast, bài báo, infographic...), cung cấp video bài giảng,

4.2. Ứng dụng hiệu quả mô hình học tập kết hợp trong dạy và học môn Đất nước học

Dựa trên kết quả khảo sát từ phía sinh viên, tác giả đưa ra một số gợi ý nhằm

podcast, tài liệu đa phương tiện, bản đồ, infographic... liên quan đến các quốc gia, văn hóa, lịch sử, chính trị, v.v... Giảng viên tích hợp học liệu tương tác, sử dụng công cụ như H5P, Quizlet, hoặc Google Forms để tạo bài tập tương tác, giúp sinh viên vừa học vừa ôn luyện. Tài liệu cần được thiết kế rõ ràng, sinh động, dễ tiếp cận và phù hợp với nội dung môn học để thu hút người học và hỗ trợ việc ghi nhớ kiến thức tốt hơn.

Thứ ba, giảng viên cần được đào tạo chuyên sâu về phương pháp dạy học kết hợp, bao gồm kỹ năng thiết kế bài giảng tích hợp online - offline, sử dụng công cụ số, và phương pháp tổ chức lớp học hiệu quả trên cả hai hình thức trực tuyến và trực tiếp. Sinh viên được tập huấn sử dụng nền tảng LMS và công cụ học trực tuyến (Google Classroom, Zoom, Padlet, v.v.). Điều này giúp nâng cao chất lượng giảng dạy, đồng thời hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập.

Thứ tư, để khắc phục khó khăn trong duy trì động lực học tập và kỷ luật tự học, giảng viên nên thiết kế lộ trình học tập rõ ràng, linh hoạt, kết hợp các buổi học trực tiếp với hoạt động trực tuyến theo một lịch trình cố định, giúp sinh viên dễ theo dõi và sắp xếp thời gian, phân bổ hợp lý thời lượng học online và offline. Những nội dung lý thuyết có thể chuyển sang học trực tuyến, trong khi phần thảo luận, phản biện, hoặc kiến thức liên văn hóa nên tổ chức học trực tiếp (face-to-face). Mô hình lớp học đảo ngược giúp sinh viên tự học trước qua video/podcast, sau đó thảo luận sâu trong lớp học trực tiếp. Bên cạnh đó, giáo viên cần kết hợp nhắc nhở, kiểm tra định kỳ, khuyến khích phản hồi thường

xuyên để tạo kết nối và động lực cho người học.

Thứ năm, tăng cường tương tác giữa giảng viên và sinh viên thông qua các công cụ như diễn đàn học tập, phòng thảo luận trực tuyến, email hoặc nhắn tin học thuật. Tạo diễn đàn trao đổi và nhóm học online để khuyến khích sinh viên thảo luận, phản hồi bài học hoặc chia sẻ kiến thức văn hóa giữa các nhóm. Giảng viên duy trì sự hiện diện trong môi trường số bằng các thông báo, nhận xét định kỳ, gửi phản hồi cá nhân.

Cuối cùng, hệ thống đánh giá cần được thiết kế linh hoạt, phù hợp với tính chất của học phần Đất nước học, kết hợp đánh giá quá trình (formative) như bài tập nhỏ, phản hồi ngắn, thảo luận online với đánh giá tổng kết như thuyết trình, bài tập nhóm. Áp dụng đánh giá linh hoạt như portfolio cá nhân, bài thu hoạch số, sản phẩm sáng tạo. Việc sử dụng các hình thức đánh giá đa dạng như bài tập nhóm, thuyết trình, phản hồi video, bài trắc nghiệm tương tác... giúp phản ánh đúng năng lực và mức độ hiểu biết của sinh viên trong mô hình học tập kết hợp.

V. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình học tập kết hợp mang lại nhiều thuận lợi, đặc biệt ở các khía cạnh như tính linh hoạt về thời gian, địa điểm học tập, khả năng tiếp cận tài liệu đa phương tiện phong phú, cũng như thúc đẩy tính chủ động, kỹ năng công nghệ và khả năng cá nhân hóa việc học. Tuy nhiên, việc áp dụng mô hình này vẫn còn gặp không ít khó khăn, như hạn chế về hạ tầng kỹ thuật, kỹ năng tự học và sự tương tác giữa giảng viên với sinh viên.

Để triển khai hiệu quả mô hình học tập kết hợp trong học phần Đất nước học, chúng ta cần có sự chuẩn bị đồng bộ về cả cơ sở vật chất, tài liệu học tập, kỹ năng sư phạm của giảng viên, cũng như sự hỗ trợ kịp thời và phù hợp cho sinh viên trong suốt quá trình học. Việc xây dựng lộ trình học tập rõ ràng, hệ thống đánh giá linh hoạt và tăng cường tương tác cũng là những yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng giảng dạy.

Nghiên cứu đánh giá hiệu quả của việc ứng dụng mô hình học tập kết hợp để nâng cao chất lượng dạy và học học phần Đất nước học tại khoa Tiếng Anh, trường Đại học Mở Hà Nội góp phần làm rõ tiềm năng cũng như những thách thức trong việc áp dụng phương pháp dạy học kết hợp vào một học phần đặc thù như học phần Đất nước học, từ đó đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập theo hướng hiện đại, phù hợp với yêu cầu giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số.

Tuy nhiên, nghiên cứu này chỉ tập trung chủ yếu vào học phần Đất nước học tại khoa Tiếng Anh, trường Đại học Mở Hà Nội, do đó kết quả chưa phản ánh đầy đủ bức tranh tổng thể về việc triển khai mô hình học tập kết hợp trong các học phần thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Ngoài ra, thời gian nghiên cứu còn tương đối ngắn, chưa thể đánh giá đầy đủ hiệu quả dài hạn của mô hình đối với việc phát triển năng lực học thuật và kỹ năng mềm của sinh viên.

Vì vậy, các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng phạm vi khảo sát, so sánh nhiều học phần và chương trình khác nhau, đồng thời đi sâu vào vai trò của giảng viên và

chiến lược hỗ trợ người học trong mô hình kết hợp.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi đề tài cấp Trường Đại học Mở Hà Nội, mã số MHN2025-02.17

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bergmann, J., & Sams, A. (2012). *Flip your classroom: Reach every student in every class every day*. International Society for Technology in Education.
- [2]. Christensen, C. M., Horn, M. B., & Staker, H. (2013). *Is K-12 blended learning disruptive? An introduction to the theory of hybrids*. Clayton Christensen Institute for Disruptive Innovation.
- [3]. de Jong, T., Linn, M. C., & Zacharia, Z. C. (2013). Physical and virtual laboratories in science and engineering education. *Science*, 340(6130), 305-308. <https://doi.org/10.1126/science.1230579>
- [4]. Graham, C. R. (2006). Blended learning systems: Definition, current trends, and future directions. In C. J. Bonk & C. R. Graham (Eds.), *The handbook of blended learning: Global perspectives, local designs* (pp. 3-21). Pfeiffer.
- [5]. Horn, M. B., Staker, H., & Christensen, C.M. (2014). *Blended: Using disruptive innovation to improve schools*. Jossey-Bass.
- [6]. Kapp, K. M. (2012). The gamification of learning and instruction: Game-based methods and strategies for training and education. Pfeiffer.
- [7]. Lage, M. J., Platt, G. J., & Treglia, M. (2000). Inverting the classroom: A gateway to creating an inclusive learning environment. *The Journal of Economic Education*, 31(1), 30-43. <https://doi.org/10.1080/00220480009596759>
- [8]. Ma, J., & Nickerson, J. V. (2006). Hands-on, simulated, and remote

- laboratories: A comparative literature review. *ACM Computing Surveys*, 38(3), Article 7. <https://doi.org/10.1145/1132960.1132961>
- [9]. Means, B., Toyama, Y., Murphy, R., Bakia, M., & Jones, K. (2010). *Evaluation of evidence-based practices in online learning: A meta-analysis and review of online learning studies*. U.S. Department of Education. <https://www2.ed.gov/rschstat/eval/tech/evidence-based-practices/finalreport.pdf>
- [10]. Picciano, A. G., & Dziuban, C. D. (Eds.). (2007). *Blended learning: Research perspectives*. Sloan Consortium.
- [11]. Zichermann, G., & Cunningham, C. (2011). *Gamification by design: Implementing game mechanics in web and mobile apps*. O'Reilly Media.

APPLYING THE BLENDED LEARNING MODEL TO IMPROVE THE QUALITY OF TEACHING AND STUDYING IN THE COURSE COUNTRY STUDIES (A STUDY AT THE FACULTY OF ENGLISH, HANOI OPEN UNIVERSITY)

Le Thi Vy², Le Phuong Thao², Le Thi Anh Tuyet², Phan Thi Van Nga²

Abstract: *The article evaluates the effectiveness of applying the blended learning model to improve the quality of teaching and learning the Country Studies subject at the Faculty of English, Hanoi Open University. Qualitative and quantitative analysis methods are used with documents, research results of previous scholars and results from questionnaires taken from 152 students (course 2023-2027) who studied the Country Studies subject at the Faculty of English in the 2024-2025 academic year. The study mentions the advantages, disadvantages and challenges of the blended learning model, and proposes solutions to effectively apply this model in the learning process of the Country Studies subject.*

Keywords: *blended learning model, direct activities, online activities, Country Studies*

² Hanoi Open University